ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 1

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Em hãy khoanh vào chữ cái đứng trước ý đúng:

Câu 1. Chữ số 6 trong số 355,464 có giá trị là:

A. $\frac{6}{10}$ B. $\frac{6}{100}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. 6

Câu 2. Phép tính $35,545 + 65,354$ có kết quả là:

A. 100,899 B. 10,0899 C. 1,00899 D. 1008,99

Câu 3. Phép tính 78,542 – 42,632 có kết quả là:

A. 35,92 B. 35,91 C. 3,591 D. 359,1

Câu 4. Tỉ số phần trăm của 8 và 25 là:

A. 0,32% B. 32% C. 320% D. 0,032%

Câu 5. 15% của 320kg là:

A. 140kg B. 401kg C. 480kg D. 48kg

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy là 10m và chiều cao là 7m. Vậy diện tích của tam giác là:

A. $375m^2$ B. $387m^2$ C. $378m^2$ D. $35m^2$

Phần II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính và tính:

a) $56,389 - 32,546$ b) $76,438 + 53,134$

....

....

....

c) $10,3 \times 2,5$ d) $45,25 : 0,5$

....

....

....

....

Câu 2. (2 điểm) Một người gửi tiết kiệm 14000000 đồng với lãi suất 0,8%. Hỏi sau một
tháng người đó rút ra được bao nhiêu tiền? (kể cả tiền gốc).

Bài giải

....
....
....
....
....

Câu 3. (2 điểm) Tìm x biết:

a) $x - 2\frac{1}{3} = 3\frac{1}{2} \times \frac{3}{5}$

b) $x : 1\frac{3}{5} = 2\frac{3}{4} + 1\frac{1}{2}$

....
....
....
....
....

Câu 4*. (1 điểm) Tính nhanh:

$$\frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + \frac{1}{16} + \frac{1}{32} + \frac{1}{64} + \frac{1}{128} + \frac{1}{256} + 1$$

Bài giải

....
....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 2

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số thập phân "Chín mươi phẩy bảy mươi ba" phần thập phân có:

A. 3 chữ số B. 2 chữ số C. 4 chữ số D. 1 chữ số

Câu 2. Số $30\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 30,7 B. 30,07 C. 30,007 D. 300,7

Câu 3. Điền chữ số thích hợp vào ô trống: 401,35 > 40□,35

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 67,3 tấn = ... kg

A. 67,3kg B. 6730kg C. 67300kg d. 6,73kg

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 73,5 + 12,6

....

....

....

b) 79,6 - 5,73

....

....

....

c) $21,45 \times 24,21$

....

....

....

d) 352,53: 4,5

....

....

....

Câu 2: (2 điểm) Tính bằng cách hợp lí nhất:

a) $43,8 \times 2,4 + 43,8 \times 7,6$

b) $5,8 \times 87,3 - 5,8 \times 27,3$

……………………………… ………………………………

……………………………… ………………………………

……………………………… ………………………………

Câu 3. (2 điểm) Một cửa hàng lương thực có 50 tạ gạo gồm gạo nếp và gạo tẻ, trong đó
35% số gạo đó là gạo nếp. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu ki – lô – gam gạo tẻ?

Bài giải

....

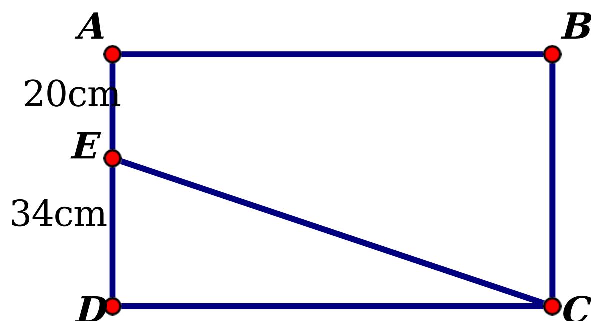
....

....

....

....

Câu 4. (1 điểm) Hình chữ nhật ABCD có diện tích 2160cm². Vậy diện tích hình tam giác EDC là bao nhiêu?



Bài giải

....

....

....

....

....
....

Câu 5*. (1 điểm)

Không tính tổng, hãy so sánh giá trị hai biểu thức A và B:

$A = 11,3 + 4,7 + 78,06 + 25,9$

$B = 25,06 + 11,7 + 4,3 + 78,9$

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 3

Phần I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: **Câu 1**. Phân số nào dưới đây là phân số thập phân:

A. $\frac{3}{70}$; B. $\frac{5}{300}$; C. $\frac{9}{1000}$; D. $\frac{4}{3800}$

Câu 2. Trong các số 512,37; 439,25; 735,49; 627,54 có chữ số 5 ở hàng phần trăm là:

A. 512,37 B. 439,25 C. 735,49 D. 627,54

Câu 3. Phép tính 5: $\frac{2}{5}$ có kết quả là:

A. 2; B. $\frac{25}{2}$ C. $\frac{10}{5}$ D. $\frac{25}{5}$

Câu 4. 3 dm² 7 cm² …… 370 cm². Dấu thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Viết các số thập phân 5,962;5,926;5,692;59,26 theo thứ tự từ lớn đến bé.

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

Câu 2. (2 điểm) Tìm x , biết:

a) x - 21,7 = 34,08 b) x + 4,08 = 9,5

…………………………… ……………………………

…………………………… ……………………………

…………………………… ……………………………

c) $x \times 4,2 = 216,72$

……………………………

……………………………

……………………………

d) $x : 8,5 = 47,05 - 29,75$

……………………………

……………………………

……………………………

Câu 3. (2 điểm)

a) Tìm một số biết: 70% của nó là 98.
b) Tính 34% của 54.

Bài giải

a) ....
....

b) ....
....

Câu 4. Một miếng bìa hình tam giác có tổng độ dài đáy và chiều cao là 45,5dm. Chiều cao bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đáy. Tính diện tích miếng bìa đó.

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 5*. Không tính tổng hãy phân tích tổng sau thành tích của hai thừa số:

$$0,085 + 0,075 + 0,025 + 0,015$$

Bài giải

....
....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 4

Phần I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm). Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số thích hợp viết vào chỗ chấm (...) để: 3kg 3g = ... kg là:

A. 3,3 B. 3,03 C. 3,003 D. 3,0003

Câu 2. Số gồm có 3 phần trăm, 7 phần mười và 9 phần nghìn là:

A. 3,709 B. 0,739 C. 0,379 D. 0,973

Câu 3. Số thập phân 0,250 bằng phân số:

A. $\frac{25}{10}$ B. $\frac{250}{100}$ C. $\frac{25}{100}$ D. $\frac{25}{1000}$

Câu 4. Mua 12 quyển vở hết 24000 đồng. Vậy mua 30 quyển vở như thế hết số tiền là:

A. 600000đ B. 60000đ C. 6000đ D. 600đ

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 479,25 + 38,49

....

....

....

b) 752,34 - 463,586

....

....

....

c) $643,15 \times 8,9$

....

....

....

d) 210,3264 :6,54

....

....

....

Câu 2: (2 điểm)

a) Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là xăng – ti –mét: 12,3 dm; 25,4 m;

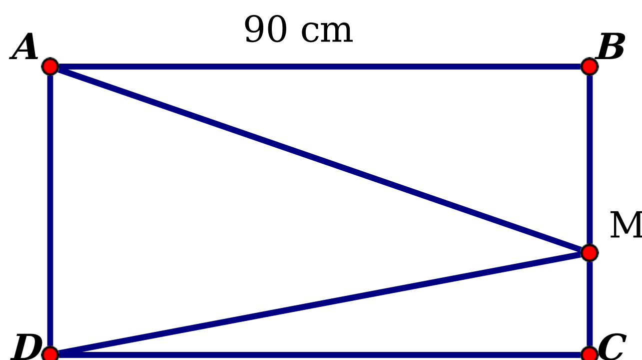
0,1424 m; 8,43 dm

b) Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là ki – lô – mét vuông: 8000 ha; 1300 dam^2;

18,2 m^2; 1500 m^2

Câu 3. (2 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD (hình vẽ bên) có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Trên BC lấy điểm M bất kì. Nối hai đoạn MA và MD ta được tam giác MAD. Tính diện tích tam giác MAD.



Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 4: (2 điểm)

a) Tìm một số biết 15 % của nó là 36.

b) Một cửa hàng đã bán được 2 tạ gạo và số gạo đó bằng 12,5 % tổng số gạo của cửa hàng có trước khi bán. Hỏi trước khi bán, cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo.

Bài giải

....
....

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
………………………

……
………………………

……
………………………

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 5

Phần I: TRẮC NGHIỆM (2 điểm). Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Chữ số 3 trong số thập phân 829,378 thuộc hàng nào?

A. Hàng trăm B. Hàng phần trăm

C.Hàng chục D. Hàng phần mười.

Câu 2. 0,8 % có giá trị bằng phân số nào?

A. $\frac{8}{10}$ B. $\frac{8}{100}$ C. $\frac{8}{1000}$ D. $\frac{8}{10000}$

Câu 3. Tìm tỉ số phần trăm của 2,8 và 80.

A. 0,035 % B. 0,35 % C. 3,5 % D. 35 %.

Câu 4: Số lớn nhất trong các số: 4,693; 4,963; 4,639; 4,396 là số:

A. 4,963 B. 4,693 C. 4,639 D. 4,396

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm) Câu 1: (2 điểm)

Tính nhẩm:

a) $218,65 \times 0,01$ b) $9,728 \times 100$

....

....

....

c) 327,68 :0,01 d) 521,6 :100

....

....

....

Câu 2: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 64,23 + 9,38 b) 82,7 - 9,05

……………………………… ……………………………

……………………………… ……………………………

……………………………… ………………………………

c) $4,37 \times 3,9$

d) $180,88 : 5,6$

....

....

....

Câu 3: (2 điểm)

Để lát nền một căn phòng hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 30cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín nền căn phòng đó, biết rằng căn phòng có chiều rộng 6m, chiều dài 9m? (Diện tích phần mạch vữa không đáng kể).

Bài giải

....

....

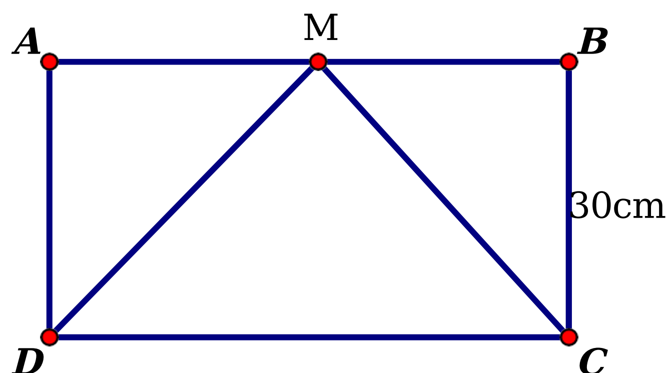
....

....

....

Câu 4: (2 điểm)

Cho hình chữ nhật ABCD (hình vẽ bên) có chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng. Trên AB lấy điểm M bất kì. Nối hai đoạn MD và MC ta được tam giác MDC. Tính diện tích tam giác MDC.



Bài giải

....

....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 6

Phần I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm). Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Chữ số 8 trong số 30,584 có giá trị là:

A. 80 B. $\frac{8}{10}$ C. $\frac{8}{100}$ D. $\frac{8}{1000}$

Câu 2. Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $23\frac{5}{100}$ B. $2\frac{35}{100}$ D. $235\frac{}{10}$ D. $25\frac{3}{100}$

Câu 3. Số 0,08 đọc là:

A. Không phẩy tám. B. Không, không tám.

C. Không phẩy không tám. D. Không phẩy không không tám.

Câu 4. Điền vào ô trống sau:

12,☐4 < 12,14

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

16m 75mm = ... m 28ha =......km^2

Câu 2. (2 điểm) Tính:

a) 12% của 360 tạ b) 65% của 0,76 ha

....

c) 0,5% của 246 d) 9% của 250 m

....

Câu 3. (2 điểm) Trong kho có 520 kg gạo. Buổi sáng bán được $\frac{2}{}$ số

gạo đó. Buổi chiều

5

bán được $\frac{1}{4}$ số gạo còn lại. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

....

....

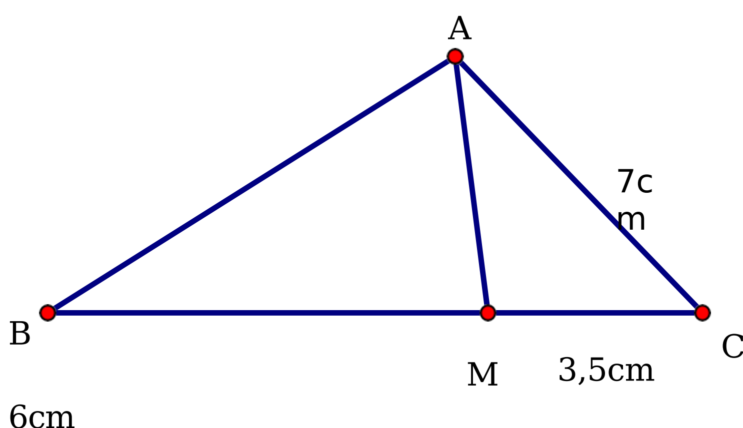
……
………………

……
………………

……
………………

……
………………

Câu 4. (2 điểm) Cho hình bên, biết diện tích hình tam giác AMC là 7cm², MC = 3,5 cm, BM = 6cm. Tính diện tích hình tam giác ABM?



Bài giải

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

……
……………………

Câu 5: (1 điểm).

Một con cá sấu có chiều dài của thân và đuôi gấp 5 lần chiều dài đầu. Con cá sấu có chiều dài từ đầu đến đuôi là 300 cm. Tính chiều dài của đầu con cá sấu.

(Theo cuộc thi học sinh giỏi Toán quốc tế dành cho học sinh tiểu học).

Bài giải

....

....

....

....

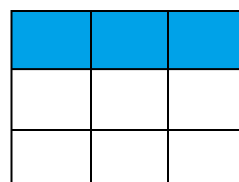
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 7

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Phân số chỉ phần có tô màu ở hình bên là:

A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$

C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{1}{5}$.



Câu 2. Số thập phân gồm có: năm trăm; hai đơn vị; sáu phần mười; tám phần trăm viết là:

A. 502,608 B. 52,608 C.52,68 D. 502,68

Câu 3. $\frac{15}{60}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A.0,3 B.0,25 C.0,5 D. 0,05

Câu 4: 102 m^2 4 dm^2 = ...m^2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm là:

A. 1024 B. 102,04 C. 10,24 D. 102,4

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) Tổng của 25,9 và 7,42

....

....

....

b) Hiệu của 30,5 và 5,24

....

....

....

c) Tích của 19,6 và 3,7

....

....

....

d) Thương của 240,1 và 9,8

....

....

....

Câu 2: (2 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) 7,8 = 78% □ b) 749,56 :0,01 = 7,4956 □

c) $423,05 \times 0,01 = 4,2305$ ☐ d) $19 - 3,5 = 16,5$ ☐

Câu 3: (2 điểm)

a) Viết phân số $\frac{9}{10}$ dưới dạng tỉ số phần trăm.

....

b) Gửi tiết kiệm 3000000 đồng với lãi suất 1,25 % một tháng thì tháng đầu nhận được bao nhiêu tiền lãi?

....

....

....

Câu 4: (2 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 20,5 cm, chiều rộng bằng 60% chiều dài.

a) Tính diện tích hình chữ nhật đó.

b) Một hình tam giác có độ dài đáy bằng chiều dài hình chữ nhật, chiều cao tương ứng bằng chiều rộng hình chữ nhật. Tính diện tích hình tam giác đó.

Bài giải

....

....

....

....

....

....

………………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 8

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1: Phân số nào là phân số thập phân?

A. $\frac{10}{28}$ B. $\frac{28}{10}$ C. $\frac{20}{28}$ D. $\frac{28}{23}$

Câu 2. Một đơn vị tám phần nghìn viết dưới dạng số thập phân ta được:

A. $1\frac{8}{10}$ B. $1\frac{8}{100}$ C. 1,8 D. 1,008.

Câu 3. Tỉ số phần trăm của 54 và 300 là:

A. 0,18 % B. 18 % C. 1,8 % D. 180 %

Câu 4: Tam giác ABC có diện tích 40 cm^2. Chiều cao AH có độ dài 0,8 dm. Độ dài đáy BC của tam giác ABC là:

A. 5 cm B. 10 cm C.15 cm D. 20 cm

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm).

Câu 1. (1 điểm) So sánh các số thập phân sau:

a, 7,899 và 7,9 b, 90,6 và 89,7

....

Câu 2. (1 điểm) Xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 7,8; 6,79; 8,7; 6,97; 9,7

....

Câu 3. (2 điểm) Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm

a) 42dm 4cm =...............dm

b) $2cm^2 5mm^2$=.............cm^2

c) 6,5ha = ...m^2

Câu 4. (2 điểm) Tìm Q biết:

a) 22,5 % của Q là 4,5

....

....

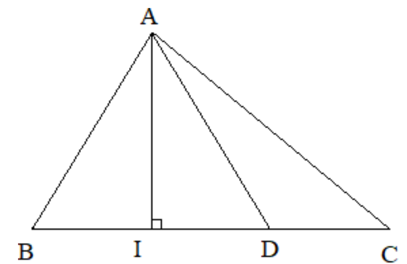
b) 25% của Q là 9.

....

....

Câu 5*. (2 điểm)

Cho hình bên. So sánh diện tích hai hình tam giác ABD và ADC biết $BD = DC \times 2$



Bài giải

....

....

....

....

....

....

....

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 9

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Viết số thập phân gồm có: Sáu mươi hai đơn vị, sáu phần mười, bảy phần trăm và

tám phần nghìn là:

A. 6,768 B. 62,768 C. 62,678 D. 62,867

Câu 2. Chữ số 6 trong số thập phân 8,962 có giá trị là:

A. $\frac{6}{10}$; 12 B. $\frac{}{5}$ C. $\frac{6}{1000}$ D. $\frac{6}{100}$

Câu 3. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm 5km 302m = km:

A. 5, 302 B. 53,02 C. 5,0302 D. 530,2

Câu 4: Một cửa hàng bỏ ra 15.000000 đồng tiền vốn để kinh doanh. Biết cửa hàng đó đã thu được tiền lãi bằng 20% tiền vốn. Vậy số tiền lãi là:

A. 300000 đồng B. 3000000 đồng

C. 5000000 đồng D. 7000000

đồng **Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)**

Câu 1. (2 điểm) Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào ô trống:

a) 83,2 □ 83,19 c) 7,843 □ 7,85

b) 48,5 □ 48,500 d) 90,7 □ 89,7

Câu 2. (2 điểm) Tìm x biết:

a) $x \times 1,47 = 17,346$

b) $x \times 1,2 = 6,216$

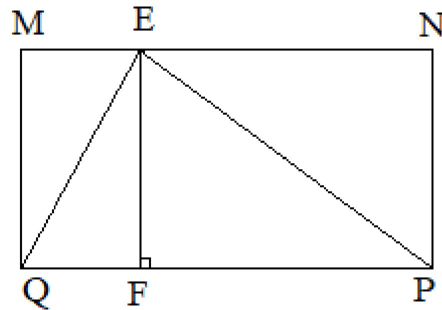
……………………………… ………………………………

……………………………… ………………………………

……………………………… ………………………………

Câu 3. (2 điểm)

Cho hình chữ nhật MNPQ có chiều dài 13,5 m và chiều rộng 10,2 m. Tính diện tích hình tam giác EPQ.



Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 4. (2 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều rộng 60m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng.

a. Tính diện tích thửa ruộng đó.

b. Biết rằng, trung bình cứ $100m^2$ thu hoạch được 30kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

....
....

....

…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 10

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Chữ số 6 trong số thập phân 82,561 có giá trị là:

A. $\frac{6}{10}$; B. $\frac{6}{100}$; C. $\frac{6}{1000}$; D. 6

Câu 2. Số lớn nhất trong các số: 6,235; 5,325; 6,325;

4,235 là: A.6,235 B.5,325

C.6,325 D.4,235

Câu 3. Hai số tự nhiên liên tiếp thích hợp viết vào chỗ chấm (... < 5,7 < ...) là:

A. 3 và 4 B. 4 và 5 C. 5 và 6 D. 6

và 8 **Câu 4**: Số thập phân nào không giống với những

số thập phân còn lại?

A. 3,4 B. 3,04 C. 3,400 D. 3,40

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Chuyển các phân số thập phân sau thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó.

$\frac{136}{10}$ = ...

$\frac{2008}{1000}$ = ...

$\frac{5440}{100}$ = ...

Câu 2. (2 điểm) Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào ô trống:

a) 124 tạ ☐ 12,5 tấn

b) 0,5 tấn ☐ 500 kg

c) 452g ☐ 4,5 kg

d) 260 ha ☐ 26 km^2

Câu 3. (2 điểm) Một người làm trong hai ngày thì được trả 160.000 đồng. Hỏi với mức trả công như vậy. Nếu làm trong 7 ngày thì người đó được trả bao nhiêu tiền?

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

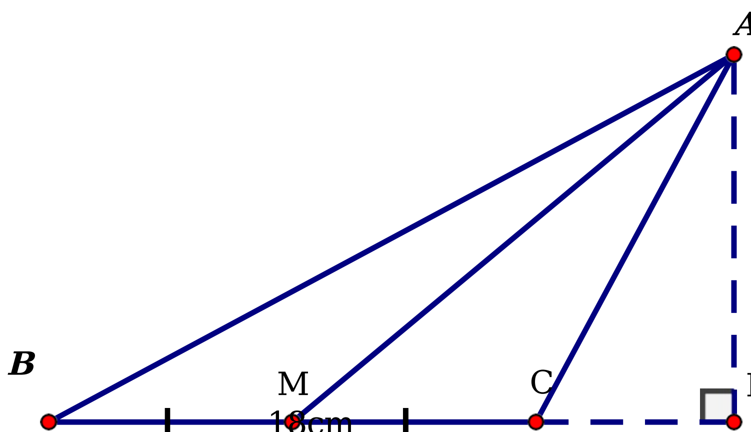
....
....

Câu 4. (2 điểm) Cho tam giác ABC có đáy BC là 18 cm. Chiều cao AI là 8 cm. Gọi M là

trung điểm của cạnh đáy BC (như hình vẽ).

a) Tính diện tích tam giác ABM.

b) Tính tỉ số phần trăm của diện tích tam giác ABM so với diện tích tam giác ABC.



Bài giải

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 11

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Số 258,379 được viết thành tổng là:

A. 200 + 50 + 8 + 0,3 + 0,07 + 0,009 B. 258 + 0,3 + 0,7 + 0,9

C. $200 + 50 + 8 + \frac{3}{10} + \frac{79}{100}$ D. 258 + 0,3 + 0,79

Câu 2. Trong các số đo dưới đây, số đo nào gần 8kg nhất:

A.7kg 99g B.7999g C.8020g D.8kg 100g

Câu 3. $2,7km^2$ = ... ha. Số điền vào chỗ chấm là:

A.27 B. 270 C. 2700 D. 27000

Câu 4: Chọn câu trả lời sai: $42\frac{900}{1000}$ = ?

A. 42,900 B. 42,90 C. 42,9 D. 4,2

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Mua 15 bộ đồ dùng học toán hết 450 000 đồng. Hỏi mua 30 bộ đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....

....

Câu 2. (2 điểm) Tìm x :

a) $0{,}25 \times x = 12{,}65 - 3\frac{1}{4}$

b) $x + \frac{38}{10} = 7 - \frac{25}{10}$

....

....

....

Câu 3. (2 điểm) Một ô – tô đi quãng đường AB hết 5 giờ. Hai giờ đầu, mỗi giờ đi được 45,8 km, 3 giờ sau mỗi giờ đi được 50,5 km. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu

ki–lô–mét?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Một hình tam giác có trung bình cộng độ dài đáy và chiều cao là 13cm,

chiều cao bằng $\frac{4}{9}$ độ dài đáy. Tính diện tích hình tam giác đó.

Bài giải

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 5. (1 điểm) Tính nhanh:

a) $45,5 \times 21 + 54,5 \times 21$ =..

b) $145,5 \times 5,09 - 33,5 \times 5,09 - 12 \times 5,09$ = ...

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 12

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Số "Mười bảy phẩy năm mươi sáu" viết như sau:

A.107,56 B.17,056 C.17,506 D. 17,56

Câu 2. Chu vi hình vuông có diện tích $49m^2$ là:

A. 36m B. 28m C. 32m D. 45m

Câu 3. 4% của 1000m là:

A. 40 m B. 20 m C. 25 m D. 500 m.

Câu 4: Biểu thức $2\times 4{,}35 + x = 17{,}03$. x có giá trị là:

A. 8,3 B. 8,33 C. 8,033 D. 8,303

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm) Câu 1. (1 điểm)

Tìm x, biết:

a) $9 - x : 2 = 3$ b) $\frac{x}{9} = \frac{8}{5}$ c) $x - \frac{1}{4} = \frac{7}{5}$

....

....

....

Câu 2. (2 điểm)

a) Viết phân số $\frac{8}{10}$ dưới dạng tỉ số phần trăm.

....

....

b) Gửi tiết kiệm 4000000 đồng với lãi suất 1,25% một tháng thì tháng đầu nhận được bao nhiêu tiền lãi?

....

....

....

....

Câu 3. (2 điểm) Hình tam giác ABC có diện tích 144 cm^2, cạnh đáy BC = 16 cm. Trên đường cao AI lấy điểm O sao cho $OI = \frac{1}{3}AI$. Tính diện tích tam giác OBC.

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Trường THCS Phổ Thông có tất cả 660 học sinh. Khối lớp Bốn nhiều hơn khối lớp Năm là 24 học sinh và ít hơn khối lớp Ba là 36 học sinh. Hỏi số học sinh mỗi khối là bao nhiêu?

Bài giải

....

....

....

....

....

....
....

Câu 5. (1 điểm) Tính nhanh

30,9 - 28,2 + 25,5 - 22,8 + ... + 3,9 - 1,2

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 13

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: **Câu 1.** Số điền vào chỗ chấm thích hợp là:

a) $1654m^2$ = ……… ha

A. 1654 B. 16,54 C. 0,1654 D. 1,654

b) 3 dam^2 8 m^2 = ……. m^2

A. 308 B. 380 C. 38 D. 3080

Câu 2. Dời dấu phẩy của số 0,035 sang bên phải hai chữ số ta được một số thập phân có giá trị bằng phân số:

A. $\frac{35}{10}$; B. $\frac{35}{100}$; C. $\frac{35}{1000}$ D. $3\frac{5}{100}$

Câu 3. Trong hộp có 24 viên bi vừa bi xanh vừa bi đỏ. Trong đó có $\frac{3}{8}$ là số bi đỏ. Vậy số bi đỏ có tất cả là:

A. 6 B. 9 C. 12 D. 3

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 13,346 + 321,19

b) 6232 - 46,9

……………………………

……………………………

……………………………

……………………………

……………………………

……………………………

c) $987,03 \times 1,9$

d) 39,858 :18,2

……………………………

……………………………

....

....

Câu 2. (2 điểm) Tính

a) $(51,24 - 8,2) : 26,9 : 10 - 3,99$

b) $263,24 : (31,16 + 34,65)$

....

....

....

Câu 3. (2 điểm) Một thửa đất hình tam giác có trung bình cộng của cạnh đáy và chiều cao là 53,1m, chiều cao kém cạnh đáy 14m. Trên thửa đất người ta trồng lúa, có $1m^2$ thu hoạch được 0,5kg thóc. Tính số thóc thu hoạch được trên thửa đất bằng bao nhiêu kg?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Cho hai số thập phân có tổng bằng 88,8. Nếu thêm vào số thứ nhất 5,4 đơn vị và bớt ở số thứ hai 6,7 đơn vị thì số thứ hai bằng $\frac{1}{4}$ số thứ nhất. Tìm hai số đó.

Bài giải

....

....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 14 – TH Trần Hưng Đạo

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (3 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Chữ số 8 trong 769,85 chỉ:

A. 8 đơn vị B. 8 phần mười C. 8 chục D. 8 phần trăm

Câu 2. Số thập phân gồm 20 đơn vị, 1 phần mười và 8 phần trăm được viết là:

A. 20,18 B. 2010,800 C. 20,108 D. 30,800

Câu 3. Tìm chữ số y , biết: $5,789 < 5,7y9$

A. y = 6 B. $y = 7$ C. $y = 8$ D. $y = 9$

Câu 4. Tỉ số phần trăm của 3,2 và 4 là:

A. 4% B. 3,2% C. 8% D. 80%

Câu 5. Ô – tô đi 100km thì tiêu thụ hết 3,5 lít xăng. Vậy ô tô đi 50km thì tiêu thụ hết số lít

– xăng là:

A. 35 lít B. 0,35 lít; C. 1,75 lít; D. 17,5 lít

Câu 6. Với $a = 0,01$ thì $20,18 : a = ?$

A. 2,018 B. 2018 C. 0,2018 D. 201,8

Phần II: TỰ LUẬN (7,5 điểm) Câu 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 146,34 + 521,85

b) 745,5 - 14,92

....

....

....

c) $25,04 \times 3,5$

d) $338,31 : 63$

....

....

....

Câu 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 1,95 ha = ...m^2 b) 35,9 tấn =............kg

c) 201,8 dm^2 = ...cm^2..d) 8cm^2 9mm^2 = cm^2.

Câu 3. (1 điểm) Tìm x , biết:

a) 201,8 : x = 100 b) $x \times 6,2 + x \times 3,8 = 201,7$

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 86,4 m; chiều rộng kém chiều dài 5,4m. Tính diện tích mảnh đất đó?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 5. (1 điểm) Tìm hai số biết tổng của hai số bằng 201,8 và số lớn gấp 3 lần số bé.

Bài giải

....

....

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 15

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Chữ số 5 trong số thập phân 169,156 có giá trị là:

A. 5 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

Câu 2. Số nào dưới đây có cùng giá trị với 0,08?

A. 0,800 B. 8,00 C. 0,80 D. 0,080

Câu 3. Ghi kết quả vào chỗ chấm:

a) $5,1 \times 100 =$............................ b) $0,456 \times 1000 =$ ....

c) 777,8 :100 = ... d) 23,78 :1000 = ...

Câu 4. Viết kết quả thích hợp vào chỗ chấm:

34 m 29cm =.............dm

4,5 km^2 =...............ha

5 tấn 6kg =..............tấn

15 phút =..............giờ.

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Viết các số 5,7; 6,02; 4,23; 4,32; 5,3 theo thứ tự từ bé đến lớn.

....

....

Câu 2. (2 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài 25cm, chiều rộng 18,5 cm. Diện tích của hình chữ nhật đó là bao nhiêu?

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....

Câu 3. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 5,67 + 7,89

....

....

....

b) 38,56 - 27,29

....

....

....

c) $56,78 \times 7,8$

....

....

....

d) 75,52:3,2

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Một người gửi tiết kiệm 40 000 000 đồng với lãi suất 0,5% một tháng. Hỏi sau một tháng cả số tiền gửi và tiền lãi là bao nhiêu?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 5. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất: $\left(1-\frac{1}{2}\right)\times\left(1-\frac{1}{3}\right)\times\left(1-\frac{1}{4}\right)\times\left(1-\frac{1}{5}\right)$

Bài giải

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

………
…………………

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 16

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Hỗn số $2\frac{17}{1000}$ chuyển thành số thập phân là:

A. 2017 B. 2,17 C. 2,170 D. 2,017

Câu 2. Lớp 5A có 12 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Tỉ số phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam là:

A. 100% B. 75% C. 50% D. 25%

Câu 3: Số tự nhiên lớn nhất để: $2,8 \times x < 8$ là:

A. $x = 4$ B. $x = 3$ C. $x = 2$ D. $x = 1$

Câu 4. Kết quả của biểu thức $1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{3}$ là:

A. $\frac{7}{5}$ B. $1\frac{7}{6}$ C. $\frac{4}{3}$ D. $\frac{3}{2}$

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (1 điểm) Viết vào chỗ chấm:

a) Ba đơn vị, một phần trăm và bảy phần nghìn, được viết là: ....

b) 235,56 đọc là: ....

Câu 2. (2 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a) $78\ km^2 < 7800\ ha$ □ b) $5\ m^2\ 9\ dm^2 = 5\frac{9}{100}\ m^2$ □

c) 52 ha < 90 000 m^2 ☐ d) 1 giờ 15 phút = 115 ☐ phút.

Câu 3. (2 điểm) 8 người đắp xong một đoạn đường trong 6 ngày. Hỏi muốn đắp xong
đoạn đường đó trong 4 ngày thì phải cần bao nhiêu người?

Bài giải

....
....

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 24m, chiều rộng kém chiều
dài 7,5m. Người ta dành 30% diện tích trồng hoa còn lại là trồng rau. Tính diện tích đất trồng rau?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 5. (1 điểm) Nước biển chứa 4% muối. Cần đổ thêm vào bao nhiêu gam nước lã vào
400g nước biển để tỉ lệ muối trong dung dịch là 2%.

Bài giải

....

....

....

....

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

………
………………

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 17

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Giá trị của chữ số 7 trong số 269,78 là:

A. 7 đơn vị B. 7 phần mười

C. 7 chục D. 7 phần trăm

Câu 2. Số nào dưới đây có cùng giá trị với 0,08

A. 0,800 B. 8,00 C. 0,8 D. 0,080

Câu 3. Tìm chữ số x , biết: 5,6x1 > 5,689

A. x = 9 B. x = 7 C. x = 1 D. x = 0

Câu 4: Hỗn số $2\frac{3}{4}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 2,34 B. 2,43 C. 2,75 D. 2,075

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 455,6 + 63,15 b) $15,62 \times 5,8$

....

....

....

Câu 2. (2 điểm) Tìm x :

a) 3,56 + x = 71,4 + 11,3 b) 6,9$\times$ x = 112,3 - 14,32

....

....

....

Câu 3. (2 điểm) Một cửa hàng bán được 1 248 kg gạo nếp và tẻ, trong đó số gạo tẻ chiếm 45%. Hỏi cửa hàng đó bán được bao nhiêu kg gạo nếp?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Một hình tam giác có diện tích 15 cm^2. Nếu độ dài đáy và chiều cao
tương ứng đều tăng gấp đôi thì diện tích tam giác lúc đó là bao nhiêu?

Bài giải

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 18

Bài 1. (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Hỗn số $5\frac{1}{5}$ chuyển thành số thập phân là:

A. 5,02 B. 5,15 C. 5,2 D. 5,26

b) Giá trị của chữ số 5 trong số 63,539 là:

A. 500 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

c) Số lớn nhất trong các số: 9,85; 9,58; 98,5; 8,95 là:

A. 9,85 B. 9,58 C.98,5 D. 8,95

d) Phân số $\frac{45}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,45 B. 4,5 C. 0,045 D. 450

Bài 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9km 78m =.............m

b) 5 m^2 64 dm^2 =...........dm^2

c) 5kg 23g =.............kg

d) 231ha =.............km^2.

Câu 3. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

a) 35,124 + 24,682

....

....

b) 17,42 - 8,624

....

....

....

c) $12,5 \times 2,3$

d) $19,72 : 5,8$

....

....

....

Câu 4. (2 điểm) Lớp 5B có 32 học sinh, trong đó số học sinh 10 tuổi chiếm 75%, còn lại là học sinh 11 tuổi. Tính số học sinh 11 tuổi của lớp học đó.

Bài giải

....

....

....

....

Câu 5. (2 điểm) Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài 6,5dm, chiều rộng kém chiều dài 2,25dm. Tính diện tích tấm bìa hình chữ nhật đó?

Bài giải

....

....

....

....

....

Câu 6. (1 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

a) $4,7 \times 5,5 - 4,7 \times 4,5$

b) $23,5 \times 4,6 + 23,5 \times 5,4$

Bài giải

……

……

……

……

……

……

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 19

Phần I: TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Số thập phân gồm 58 đơn vị, 9 phần nghìn được viết là:

A. $58\frac{9}{10000}$ B. 58,9 C. 58,09 D. 58,009 .

b) Dời dấu phẩy của số 0,035 sang bên phải một chữ số ta được một số thập phân có giá trị bằng phân số:

A. $\frac{35}{10}$ B. $\frac{35}{100}$ C. $\frac{35}{1000}$ D. $3\frac{5}{100}$

Câu 2: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

a) Tổng của 34,8; 9,5 và 26,7 là:

A. 80 B. 71 C. 156,5 D. 146,5.

b) Giá trị của biểu thức 999,5 - 26,6 $\times$ 37,02 là :

A. 14,768 B. 147,68 C. 1476,8 D. 14768.

Phần II: TỰ LUẬN

Câu 1: Tính tỉ số phần trăm của:

a) 45 và 36

....

b) 63 và 72

....

c) 18 và 90

....

d) 51 và 8,5

....

Câu 2: Tính giá trị của biểu thức:

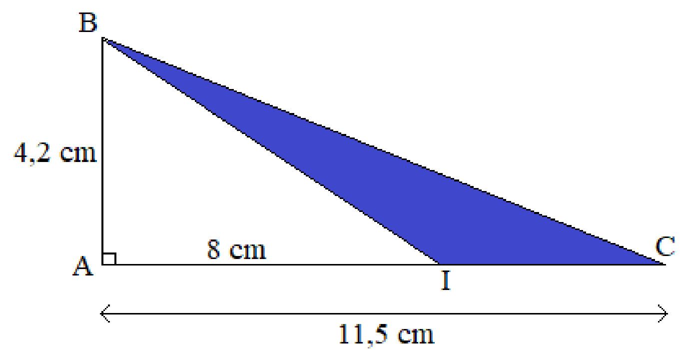
a) $\frac{3}{4} \times 8,4 + 2,8 \times 1\frac{1}{2} =$ ....

b) $\frac{3}{4} \times 2\frac{3}{9} + 45,8 \times 0,07 =$ ....

Câu 3:

Tính diện tích phần tô đâm của hình bên.

Bài giải



……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

……………………………………………………….……….

Câu 4 Người ta trồng lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi 300 m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 50 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó?
b) Biết rằng trung bình cứ 10 m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

……

……

……

……

……

………………………………………………………………………………………………………

………………

……
………………

……
………………

……
………………

……
………………

……
………………

……
………………

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I TOÁN LỚP 5

ĐỀ SỐ 20

Phần I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm) Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng: Câu 1. Giá trị chữ số 9 trong số 45,795 có giá trị là:

A. 90 B. 95 C. $\frac{9}{100}$ D. $\frac{9}{10}$

Câu 2. $4\frac{3}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là?

A. 3,445 B. 4,03 C. 4,3 D. 4,003

Câu 3. Viết thành tỉ số phần trăm: 0,58 = %

A. 5,8% B. 0,58% C. 58% D. 580%

Câu 4: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 6 cm^2 8 mm^2 = cm^2

A. 68 B. 6,8 C. 6,08 D. 6,008

Phần II: TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 369,4 + 284,2

....

....

....

b) 516,40 - 350,28

....

....

....

c) 45,54 : 18

....

....

....

d) 25,04 x 3,5

....

....

....

Câu 2. (2 điểm) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 26 m,

chiều rộng bằng 1

dài, trong đó diện tích đất làm nhà chiếm 62,5%. Tính diện chiều
tích đất làm nhà. 4

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 3. (2 điểm) Hai mảnh đất có diện tích bằng nhau. Mảnh thứ nhất là hình vuông có chu vi là 240 m. Mảnh thứ hai là hình tam giác có độ dài cạnh đáy là 90m. Tính chiều cao của mảnh đất hình tam giác.

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

Câu 4. (2 điểm) Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông cạnh 4dm, chiều cao 2,3 dm (các kích thước đều đo ở trong lòng bể). Biết rằng 70% thể tích của bể đang chứa nước. Hỏi:

a) Trong bể có bao nhiêu lít nước?

b) Mức nước trong bể cao bao nhiêu mét?

Bài giải

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....

....
....